

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày: 28-3-2019

V/v: “*Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hân E.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc H.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2018/TLST-DS ngày 13/12/2018 về việc “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-DS ngày 19/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12A/2019/QĐST-DS ngày 08/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc X (Ngọc S), sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: số 172, tổ 04, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 50/1, tổ 7, ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 29/01/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Ngọc X trình bày: ông X là chủ Cửa hàng phân bón, thuốc trừ sâu T tọa lạc tại chợ Đ, huyện T, tỉnh A. Bà T bắt đầu mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông X từ năm 2010. Hình thức mua bán là ông X giao hàng trước, đến vụ thu hoạch lúa sẽ trả tiền. Sau mỗi mùa vụ lúa, bà T trả được một phần tiền

nhưng vẫn còn nợ lại. Ngày 15/10/2016, sau khi đối chiếu nợ thì bà T viết biên nhận nợ ông X số tiền là 56.000.000 đồng và hứa tới vụ Đông xuân năm 2017 sẽ trả đủ. Tuy nhiên, khi đến hạn bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông X. Mặc dù ông X đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số nợ trên nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay ông Trần Ngọc X yêu cầu bà Lê Thị Thanh T phải trả cho ông X số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 56.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 15/10/2016 cho đến khi xét xử.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị Thanh T có đăng ký thường trú tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Lê Thị Thanh T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, bà T đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về nội dung: ông Trần Ngọc X khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thanh T trả tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 56.000.000 đồng, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 15/10/2016 có nội dung: *“Tôi tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1990. Ngụ ấp M - Đ - TS - AG. Tôi có mua phân bón, thuốc trừ sâu của đại lý N với số tiền là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng). Tôi xin hứa tới vụ Đông xuân năm 2017 tôi sẽ trả đủ”*. Theo ông X, từ khi ký biên nhận nợ cho đến nay thì bà Lê Thị Thanh T chưa trả cho ông được khoản tiền nào.

[4] Tòa án nhiều lần triệu tập bà Lê Thị Thanh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ, nhưng bà T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bà T cũng không có văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của ông X đối với số nợ 56.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng mua bán giữa ông Trần Ngọc X với bà Lê Thị Thanh T thực tế có xảy ra, được giao kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Ông X căn cứ vào biên nhận nợ 15/10/2016 để yêu cầu bà Lê Thị Thanh T trả số tiền 56.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận. Do đó, buộc bà Lê Thị Thanh T trả cho ông Trần Ngọc X số tiền gốc 56.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất, ông X yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/10/2016 đến ngày xét xử đối với số tiền chậm thanh toán. Tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thành toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Xét thấy, yêu cầu của anh X là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2010, thì mức lãi suất được áp dụng là 0,75%/tháng. Vì vậy, tiền lãi tính từ ngày 15/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2019) là 02 năm 05 tháng 13 ngày (29 tháng 13 ngày), lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng); nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính lãi là 29 tháng. Như vậy, lãi suất được tính như sau:

Số tiền gốc: $(56.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 29 \text{ tháng} = 12.180.000 \text{ đồng}$.

Tổng số gốc và lãi là: $56.000.000 \text{ đồng} + 12.180.000 \text{ đồng} = 68.180.000 \text{ đồng}$.

Do đó, buộc bà Lê Thị Thanh T phải trả cho ông X tiền gốc và lãi là 68.180.000 đồng (trong đó tiền gốc là 56.000.000 đồng; tiền lãi là 12.180.000 đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị buộc phải trả số tiền nêu trên nên bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Trần Ngọc X không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 305, Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc X (T).
- Buộc bà Lê Thị Thanh T trả cho ông Trần Ngọc X số tiền gốc và lãi là 68.180.000 đồng (sáu mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 3.409.000 đồng (ba triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Trần Ngọc X (T) không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014814 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân (xã, phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hân Em